

NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA

ĐỊNH DANH TÊN GỌI GHE XUÔNG Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG TRẦN HOÀNG ANH* - LÊ TRẦN ĐAN PHỐ**

TÓM TẮT: Bài viết tập trung phân tích đặc điểm định danh thông qua lớp từ ngữ chỉ tên gọi ghe xuông ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Qua phân tích, bài viết chỉ ra sự phong phú và đa dạng, nét khác biệt trong cách gọi tên các loại ghe xuông ở đây; đồng thời bài viết làm sáng rõ thêm những sắc thái văn hóa riêng của vùng đất chín rồng.

TỪ KHÓA: Định danh; đặc điểm định danh; tên gọi ghe xuông vùng Đồng bằng sông Cửu Long; sắc thái văn hóa; lớp từ ngữ.

NHẬN BÀI: 3/10/2020.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 12/11/2020

1. Mở đầu

1.1. Từ rất lâu, ghe xuông là phương tiện quan trọng trong đời sống sinh hoạt của người dân Việt Nam, đặc biệt là người dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Loại phương tiện này phù hợp với vùng đất có nhiều sông ngòi, kênh rạch chằng chịt. Việc sử dụng ghe xuông làm phương tiện đi lại là sự lựa chọn thích hợp và an toàn nhất cho người dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Với người dân sinh sống lâu đời ở mảnh đất này thì những chiếc ghe, chiếc xuông lênh đênh trên mặt nước là hình ảnh quen thuộc, gắn bó với cuộc sống của họ. Ghe xuông ở đây rất đa dạng và phong phú với nhiều kiểu loại và tên gọi. Dựa vào những đặc điểm khác nhau, người dân Đồng bằng sông Cửu Long đã định danh ghe xuông theo những cách rất khác nhau.

Việc tìm hiểu cơ sở định danh của tên gọi sự vật nói chung có ý nghĩa to lớn trong việc xác định ngữ nghĩa của các đơn vị từ vựng. Thông qua định danh chúng ta có thể thấy được sắc thái văn hóa của cộng đồng, dân tộc. Khảo sát, phân tích tên gọi ghe xuông vùng Đồng bằng sông Cửu Long, vừa có thể chỉ ra được đặc điểm ngôn ngữ của một lớp từ ngữ cụ thể, vừa cho thấy những dấu ấn riêng về tri nhận, phản ánh hiện thực của người dân vùng sông nước Nam Bộ.

Theo tìm hiểu của chúng tôi, trong các cuốn từ điển tiếng Việt, lớp từ chỉ tên gọi các loại ghe xuông chưa được cập nhật một cách đầy đủ. Trong “*Đại từ điển tiếng Việt*” của Nguyễn Như Ý, có 16 từ liên quan đến tên gọi của ghe (*ghe bán lồng, ghe bầu, ghe chài, ghe cui, ghe giàn, ghe hầu, ghe ngo, ghe lườn,...*) và 5 từ liên quan đến tên gọi của xuông (*xuông, xuông ba lá, xuông be chín, xuông be tám, xuông cứu sinh*). Trong “*Từ điển từ ngữ Nam Bộ*” của Huỳnh Công Tín, có 46 từ liên quan đến tên gọi của ghe (*ghe cào, ghe Cẩn Đước, ghe cộ, ghe cửa, ghe đục, ghe Gia Định, ghe hang bo, ghe hát, ghe khoai, ghe mỏ vạch, ghe ngo, ghe sai, ghe vạch, ghe vেম,...*) và 7 từ liên quan đến tên gọi của xuông (*xuông, xuông ba lá, xuông be chín, xuông be tám, xuông be mười, xuông bông, xuông cui*). Qua khảo sát từ thực tế, chúng tôi thu thập được 140 từ chỉ tên gọi của các loại ghe xuông. Trong đó, có những tên gọi đã được thống kê và còn có nhiều tên gọi mà trong 2 quyển từ điển chưa nhắc đến (*ghe bèo, ghe cửa Phú Quốc, ghe dăng, ghe điệu, ghe đuôi tôm then trở, ghe già cào, ghe hang bo, ghe lưới, ghe tam bản mũi dài, ghe tam bản mũi ngắn, ghe vơi, ghe vùn, xuông bơi, xuông chèo, xuông đuôi tôm, xuông năm quăng, xuông vỏ gòn,...*). Do vậy, việc khảo sát và thu thập từ chỉ tên gọi của các loại ghe xuông vùng Đồng bằng sông Cửu Long là một việc rất cần thiết. Bên cạnh việc góp phần làm phong phú vốn từ vựng tiếng Việt thì việc làm này còn giúp chúng ta hiểu thêm một số nét văn hóa của địa phương thể hiện qua lớp từ ngữ này.

1.2. Định danh (nomination), theo G.V. Consanski, là sự cố định (hay gán) cho một kí hiệu ngôn ngữ một khái niệm - biểu hiện phản ánh những đặc trưng nhất định của một biểu vật - các thuộc tính, phẩm chất và quan hệ của các đối tượng và quá trình phạm vi vật chất và tinh thần, nhờ đó các đơn vị ngôn ngữ tạo thành những yếu tố nội dung của giao tiếp ngôn từ” (Dẫn theo [1, tr.35]). Có thể thấy, định danh là một trong những chức năng quan trọng của từ ngữ, đó là chức năng gọi tên. Tên gọi là

* TS; Trường Đại học Đồng Tháp; Email: tranhoanganh678@gmail.com

** Trường THPT Thiên Hộ Dương, Đồng Tháp; Email: letrandanpho@gmail.com

sản phẩm tư duy, trừu tượng nên nhìn chung nó phải đảm bảo các yêu cầu như có tính khái quát, tính trừu tượng và mất khả năng gọi đến những đặc tính, những thuộc tính riêng rẽ tạo thành đối tượng. Để gọi tên, con người phải tri giác, nhận diện, phân loại hiện thực cuộc sống. Nói cách khác, trải qua cơ chế định danh của con người, hiện thực cuộc sống được gọi tên. Khi bàn về cách định danh, Nguyễn Đức Tồn cho rằng, định danh phản ánh cách lựa chọn đặc trưng của đối tượng. Đây là biểu hiện của đặc trưng văn hóa. Tác giả viết: “Đặc trưng văn hóa dân tộc của định danh ngôn ngữ được biểu hiện tiếp theo là ở sự lựa chọn đặc trưng của đối tượng làm cơ sở cho tên gọi của nó” [4]. Như vậy, định danh thể hiện ở việc lựa chọn các đặc trưng của từng đối tượng để làm cơ sở cho cách gọi tên chúng và phân biệt chúng với sự vật khác là thể hiện mối quan hệ ngôn ngữ - văn hóa. Như vậy, đặc trưng ngôn ngữ - văn hóa của định danh thể hiện ở tên gọi của đối tượng được định danh. Tên gọi của đối tượng được định danh như thế nào lại căn cứ vào lí do của chính chủ thể được định danh (chủ quan) và việc lựa chọn đặc trưng của đối tượng được định danh (khách quan). Cho nên, định danh mang yếu tố tâm lí, văn hóa của dân tộc hay địa phương cụ thể.

2. Các kiểu định danh ghe xuồng

Chúng tôi tiến hành khảo sát và phân tích 140 từ chỉ tên gọi các loại ghe xuồng và xác định có 11 kiểu định danh dựa trên những dấu hiệu cụ thể được lựa chọn làm cơ sở định danh và 01 kiểu định danh chưa rõ căn cứ làm cơ sở định danh. Số lượng và tỉ lệ của từng kiểu định danh được thể hiện qua bảng sau:

TT	Cơ sở định danh	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Định danh theo hình dáng của phương tiện	15	10,71
2	Định danh theo màu sắc của phương tiện	2	1,43
3	Định danh theo kích cỡ của phương tiện	4	2,86
4	Định danh theo cấu tạo, chức năng, bộ phận của phương tiện	26	18,57
5	Định danh theo mục đích sử dụng của phương tiện	33	23,57
6	Định danh theo môi trường hoạt động của phương tiện	2	1,43
7	Định danh theo nguồn gốc của phương tiện	10	7,14
8	Định danh theo đối tượng vận chuyển của phương tiện	4	2,86
9	Định danh theo đặc điểm, tính chất, trạng thái của đối tượng	17	12,14
10	Định danh theo chất liệu làm nên đối tượng	4	2,86
11	Định danh dựa trên thời hạn sử dụng đối tượng	1	0,71
12	Định danh chưa rõ lí do	22	15,71
Tổng		140	100

Từ bảng thống kê, chúng tôi nhận thấy thể giới nhận thức, khả năng phân tích, chia cắt thể giới, khả năng quan sát của người dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long rất sâu sắc, tỉ mỉ. Họ dựa vào nhiều đặc điểm khác nhau để định danh ghe xuồng. Cơ sở để người dân định danh các từ chỉ tên gọi của các loại ghe xuồng bao gồm:

- Định danh theo hình dáng của đối tượng có 15 đơn vị, chiếm 10,71%, gồm: *ghe bầu*, *ghe cóc*, *ghe lỏng*, *ghe lỏng chón*, *ghe mỏ vạch*, *ghe mũi ống*, *ghe nóc gia*, *ghe trệt*, *ghe trường đũa*,... Đây là cách định danh nghe dân dã và phổ biến trong dân gian. Từ xưa đến nay khi định danh đối tượng con người thường có thói quen tri nhận dựa vào hình dáng đối tượng. Hơn nữa, đối tượng được định danh theo đặc điểm hình dáng quen thuộc nên mọi người rất dễ hình dung, từ đó nghĩa của từ cũng dễ hiểu, dễ phân biệt.

- Định danh theo màu sắc đối tượng có 2 đơn vị, chiếm 1,43% gồm: *ghe hồng*, *ghe son*. Ở nhóm định danh này, chúng tôi nhận thấy đơn vị từ rất ít. Đó xuất phát từ nguyên nhân đây là những phương tiện trên sông nước phần lớn phục vụ cho nhu cầu cuộc sống sinh nhai của người dân vùng quê. Người dân ở những vùng sông nước khi sử dụng phương tiện ghe xuồng không có nhu cầu thẩm mỹ cao, khi chế tạo phương tiện mang ra sử dụng họ không cần trang trí thêm nhiều màu sắc. Vì thế hệ thống màu được thấy trên các loại phương tiện ghe xuồng không phong phú.

- Định danh theo kích cỡ của đối tượng có 4 đơn vị, chiếm 2,86%, gồm: *ghe cửa đại*, *ghe đại trường đũa*, *ghe hàng bo*. Đây cũng là cách định danh thường thấy khi con người gọi tên sự vật, hiện

tượng.

- Định danh theo cấu tạo, chức năng bộ phận của đối tượng có 26 đơn vị, chiếm 18,57%, gồm: *ghe buồm, ghe đuôi tôm then trở, ghe lái ngoài, ghe lưới, ghe máy, ghe mũi nhọn, ghe ô, ghe rạp đáy, ghe rùng, xuồng máy, xuồng năm lá, xuồng be tám,...* Khi định danh tên gọi của công cụ, phương tiện trong lao động, trong sinh hoạt, người dân chọn cách định danh này. Những tên gọi này cơ bản giới thiệu được nét nổi bật về cấu tạo, chức năng của đối tượng.

- Định danh theo mục đích sử dụng của đối tượng có 33 đơn vị, chiếm 23,57%, gồm: *ghe bèo, ghe buồm, ghe cào, ghe cầu, ghe chài, ghe hát, ghe hầu, ghe quốc sự, ghe thương hổ, xuồng bơi, xuồng cứu sinh, xuồng soi,...* Cơ sở định danh này chiếm số đơn vị cao nhất trong các cơ sở định danh còn lại. Trong đời sống sinh hoạt hàng ngày của người dân nói chung và đặc biệt người dân vùng sông nước nói riêng, ghe xuồng chính là phương tiện chủ yếu, phục vụ tối đa tất cả các nhu cầu của con người từ việc giao tiếp, giao thương đến cả những tập tục, nên khi định danh cho loại phương tiện quan trọng này, con người hướng tới đề cao mục đích sử dụng của phương tiện.

- Định danh theo môi trường hoạt động của đối tượng có 2 đơn vị, chiếm 1,43% gồm: *ghe bể, ghe biển*. Đây là cách định danh nhằm gọi tên đối tượng theo môi trường hoạt động của đối tượng. Đồng bằng sông Cửu Long là vùng đất có nhiều con sông lớn, nhiều kênh rạch chằng chịt. Như vậy có nghĩa là môi trường hoạt động của các phương tiện di chuyển trên sông nước nơi đây rất phong phú và đa dạng, nhưng đơn vị từ định danh riêng cho các loại phương tiện này không nhiều. Đó là cách tri nhận của người dân nơi đây. Họ đề cao vai trò của mục đích sử dụng, cấu tạo, đặc điểm, tính chất, hình dáng hơn là môi trường hoạt động.

- Định danh theo nguồn gốc của đối tượng có 10 đơn vị, chiếm 7,14%, gồm: *ghe Cần Đước, ghe Cần Thơ, ghe của Bà Rịa, ghe của Phú Quốc, ghe Gia Định, ghe Hải Nam,...* Đây là kiểu định danh mà qua tên gọi, nguồn gốc của đối tượng được ghi nhận trở thành nét khu biệt định danh. Hay nói cách khác, chủ thể định danh đã đóng vai trò nhà sử học để ghi chép lại nguồn gốc của đối tượng mà mình đặt tên. Trên cơ sở của tên gọi, những người đời sau có thể dễ dàng hơn trong việc tìm hiểu về lịch sử nguồn gốc của nó.

- Định danh hướng đến đối tượng vận chuyển của đối tượng có 4 đơn vị, chiếm 2,86%, gồm: *ghe cá, ghe lê, ghe lê, ghe lúa*. Đối tượng vận chuyển của phương tiện ghe xuồng rất phong phú và đa dạng nhưng với số lượng đơn vị từ được định danh theo cách này lại rất ít. Người dân khi sử dụng các phương tiện ghe xuồng rất linh hoạt trong việc vận chuyển. Ví dụ *ghe lúa* vận chuyển *lúa* là chủ yếu, nhưng trong thực tế *ghe lúa* có thể vận chuyển được các đối tượng khác ngoài *lúa* như: *gạo, chuối, muối, cát, đá, cá,...* Cho nên, việc định danh tên gọi các loại ghe xuồng dựa trên đối tượng vận chuyển người dân không quan tâm nhiều.

- Định danh theo đặc điểm, trạng thái, tính chất của đối tượng có 17 đơn vị, chiếm 12,14%, gồm: *ghe be, ghe cui, ghe điệu, ghe, ghe neo, ghe ngán, ghe tam sắc, ghe trần, xuồng cui, xuồng đục,...* Kiểu định danh này dựa vào đặc điểm, trạng thái, tính chất nổi bật nào đó của đối tượng.

- Định danh theo chất liệu làm nên đối tượng có 4 đơn vị, chiếm 2,86%, gồm: *ghe gỗ, ghe nhà lá, ghe sắt, xuồng vỏ gòn*. Đơn vị mà chúng tôi thu thập được theo hướng định danh này không nhiều vì chất liệu để làm nên phương tiện ghe xuồng bị hạn chế ở một số chất liệu nhất định như: gỗ, kim loại và nhựa.

- Định danh theo thời hạn sử dụng của đối tượng có 1 đơn vị, chiếm 0,71% là: *xuồng năm quăng*. Đây là cách định danh có số lượng đơn vị ít nhất trong 14 cách định danh ở trên. Qua số đơn vị khảo sát được, chúng tôi nhận thấy người dân khi định danh ghe xuồng, họ không quan tâm đến thời hạn sử dụng của các loại phương tiện này.

- Định danh chưa rõ lí do có 22 đơn vị, chiếm 15,71%, gồm: *ghe, ghe bóc chài, ghe cà - vom (ghe cà dom), ghe cộ, ghe dăng, ghe khám lừ, ghe khoái, ghe lườn, ghe rờ, xuồng, xuồng bông, xuồng vây,...* Bên cạnh 126 từ đã xác định được lí do gọi tên (xác định được cơ sở định danh), có 14 từ chưa tìm được căn cứ đặt tên (chưa xác định được cơ sở định danh). Ví dụ:

- Ghe: *thuyền, phương tiện di chuyển trên sông nước, lớn hơn xuồng;*

- *Ghe cà vom*: loại ghe nhỏ, dài, có mũi nhỏ, nhưng khác ghe lườn và ghe ngo;
- *Ghe khảm lư*: loại ghe cải tiến từ ghe đục, chỉ còn cái mũi, hai đầu ghe nhỏ; lên mặt nước;
- *Ghe khoái*: loại thuyền nhỏ như xuồng, chỉ cần một hoặc hai người chèo, dùng để chuyển giấy tờ, công văn;
- *Ghe lườn*: ghe có thân nhỏ và dài, thường dùng để chở khách;
- *Ghe vেম*: loại thuyền nhẹ, sử dụng chèo, sơn màu đen, be viền đỏ, dùng cho quan;
- *Ghe xếp*: ghe chuyên dùng để đánh cá;
- *Xuồng*: Là loại thuyền nhỏ không có mái che, thường buộc theo thuyền lớn hoặc tàu thủy: “Tàu thủy lớn neo ở ngoài khơi, ông thuyền trưởng phải dùng xuồng vào hải cảng”.

Những từ chưa xác định được cơ sở định danh này rất có thể được định danh từ một lí do nào đó, nhưng do đã có từ quá xa xưa nên không còn ai biết nữa. Người dân sử dụng những từ này theo thói quen, theo sự chỉ dẫn của người đi trước. Hoặc có thể do chúng bắt nguồn từ tiếng nước ngoài, được người Việt vay mượn, giờ đây không thể lí giải tại sao lại có tên gọi như vậy. Vì vậy chúng tôi quyết định xếp chúng vào kiểu định danh không rõ lí do.

Như vậy, qua kết quả khảo sát, phân tích, chúng ta thấy các từ chỉ tên gọi các loại ghe xuồng được định danh dựa trên 12 phương thức định danh. Điều này cho thấy, các phương tiện này được sử dụng phổ biến ở phạm vi rộng, lại có truyền thống lâu đời nên số lượng từ chỉ tên gọi các phương tiện này nhiều, cách thức lựa chọn trong việc phản ánh tên gọi cũng phong phú, đa dạng. Tính chất phản ánh tên gọi trong định danh như vậy phản ánh “bức tranh toàn cảnh” mang đậm tư duy nhận thức của người dân vùng sông nước vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

3. Kết luận

Từ kết quả thống kê, phân loại, miêu tả, nhận xét và phân tích đặc điểm định danh của tên gọi các loại ghe xuồng vùng Đồng bằng sông Cửu Long, chúng tôi đi đến những nhận xét sau:

Số lượng thống kê cho thấy, lớp từ ngữ chỉ tên gọi các loại ghe xuồng rất đa dạng và phong phú. Trong đó tên gọi một số đối tượng thể hiện nhiều nét đặc trưng lí thú, phản ánh sắc thái văn hóa vật chất lẫn tinh thần của người dân.

Khi định danh ghe xuồng, người dân dựa trên rất nhiều cơ sở khác nhau để gọi tên. Những cơ sở định danh này vừa mang tính khái quát vừa mang tính cụ thể kết hợp với tính linh hoạt trong phương thức cấu tạo đã tạo nên nhiều tên gọi khác nhau theo mục đích, đặc điểm của đối tượng, góp phần làm phong phú vốn từ vựng tiếng Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Hoàng Anh (2016), *Nghiên cứu từ ngữ nghề nghiệp nghề cá vùng Đồng Tháp Mười*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Vinh.
2. Trần Hoàng Anh (2020), “Độ sâu phân loại trong định danh của từ ngữ nghề cá vùng Đồng Tháp Mười”, *Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư*, số 2.
3. Nguyễn Thanh Lợi (2005), “Ghe xuồng Nam Bộ”, *Tạp chí Văn hóa Dân gian*, số 1.
4. Nguyễn Đức Tồn (2008), *Đặc trưng văn hóa - dân tộc của ngôn ngữ và tư duy*, Nxb Khoa học Xã hội.
5. Huỳnh Công Tín (2000), “Ăn tượng sông nước qua cách diễn đạt của người dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long”, *Ngữ học trẻ*.
6. Huỳnh Công Tín (2009), *Từ điển từ ngữ Nam Bộ*, Nxb Chính trị Quốc gia.
7. Nguyễn Như Ý (chủ biên) (1999), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hóa - Thông tin.

The nomination of canoes in Mekong Delta

Abstract: The essay focuses on analyzing the identification through meaning of word of canoes in the Mekong Delta. Through this analysis, the writer pointed out the richness and diversity, the different between naming boats here. At the same time, it clarifies the cultural characteristics of the land of nine dragons.

Key words: naming; characteristics of naming; boat names in Mekong Delta; cultural characteristics; meaning of word.